TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2025/HNGĐ - ST
Ngày 19 - 3 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Yên;
2. Ông Hoàng Ngọc Minh.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: không.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 16/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Chu Thị Gi**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Làng H, xã AL, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: **Anh Triệu Thừa T,** sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Làng H, xã AL, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2025 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Chu Thị Gi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Gi và anh T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã An Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái ngày 31 tháng 8 năm 2011. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T có mới quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác,

vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khi mâu thuẫn xẩy ra có được Gi đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng số ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị Gi xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Thừa T.

Về con chung: Chị Gi và anh T có hai con chung con lớn Triệu Hữu Hiệp, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2012, con nhỏ Triệu Hữu Khải, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2015 hiện các con chung đang ở cùng anh T tại Làng H, xã AL, huyện LY sau khi ly hôn chị Gi có quan điểm Gio anh T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, chị Gi không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Triệu Thừa T trình bày:

Anh công nhận lời trình bày của chị Gi về thời Gin, địa điểm kết hôn là đúng, anh và chị Gi chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị Gi, nghi ngờ anh T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung thường xuyên xẩy ra cãi nhau, khi mâu thuẫn xảy ra có được Gi đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị Gi có yêu cầu xin ly hôn anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không còn nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Gi có hai con chung con lớn Triệu Hữu Hiệp, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2012, con nhỏ Triệu Hữu Khải, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2015 hiện các con chung đang ở cùng anh T tại Làng Hốc, xã An Lạc, huyện Lục, nếu ly hôn anh T nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu hai con chung, không yêu cầu chị Gi phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Gi phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo đơn khởi kiện của chị Chu Thị Gi, do bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn Làng H, xã AL, huyện LY, tỉnh YB. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Gi, anh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các dương sự.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Gi, anh Triệu Thừa T kết hôn ngày 31-8-2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 9, Luật hôn nhân và Gi đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của chị Gi, anh T, năm 2020 chị Gi, anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và Gi đình năm 2014 *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong Gi đình".* Trên thực tế vợ chồng chị Gi, anh T thường xảy ra mâu thuẫn, anh T thừa nhận mâu thuẫn là đúng thực tế, phù hợp với xác nhận ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã An Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Gi, anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Gi được ly hôn với anh Triệu Thừa T.

[3] Về con chung: chị Gi, anh T có hai con chung là Triệu Hữu H, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2012, con nhỏ Triệu Hữu Kh, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2015, hiện hai con chung đang ở với anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh Triệu Thừa T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi anh chị ly thân, cả hai cháu đang sinh sống ổn định cùng anh T tại Thôn Làng H, xã AL, huyện LY, tỉnh YB. Cháu Hiệp và cháu Khải đều có nguyện vọng được ở với bố là anh Triệu Thừa T. Hiện nay anh T đã có nhà riêng và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học T, cũng như không ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu cần căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gi đình để chấp nhận yêu cầu của anh T, Giao cháu Triệu Hữu H, Triệu Hữu Kh cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi là phù hợp. Do anh T không yêu cầu nên chị Gi không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị Gi phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gi đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Gi được ly hôn với anh Triệu Thừa T.

2- Về con chung: Gio cháu Triệu Hữu H, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2012, Triệu Hữu Kh, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2015 cho anh Triệu Thừa T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi; chị Chu Thị Gi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Chu Thị Gi có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về án phí: Chị Chu Thị Gi phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị Chu Thị Gi được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái theo biên lai số AA/2023/0001978 ngày 18 tháng 02 năm 2025, chị Chu Thị Gi đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Chị Chu Thị Gi và anh Triệu Thừa T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

5- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã AL;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Trúc Lâu;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Trúc Lâu;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Đỗ Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh